TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH GIA LAI** Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST Ngày: 28/4/2023 Về việc: "*Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn*".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phan Huy Viễn.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Đinh Thế Song.
2. Bà Ngô Thị Tuyết Mai.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Lê Thị Ánh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2023, về việc: "***Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1982

Nơi đăng ký thường trú: Thôn G, xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai - có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1978

Địa chỉ: Làng S, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai - có mặt.

NHẬN THẤY:

Tại Đơn khởi kiện ngày 05/01/2023, bản tự khai và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày: Ngày 23/12/2020 tôi và ông Nguyễn Thanh D đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 21/2020/QĐST-HNGĐ của Toà án nhân dân huyện K. Tại Quyết định này, tôi và ông D đã thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 15/3/2008 cho tôi tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên. Lúc đó, tôi và ông Nguyễn Thanh D thỏa thuận ông D không phải cấp dưỡng nuôi con cho tôi. Tuy nhiên, hiện nay điều kiện kinh tế của tôi gặp nhiều khó khăn, sức khỏe tôi yếu vì trước đây tôi đã từng mổ tim tại bệnh viện Trung ương Huế, tôi lao động không đủ tiền để nuôi dưỡng và chăm lo đầy đủ các chi

phí để cháu Nguyễn Hoài T ăn học nên nhiều lần tôi liên hệ với ông D để yêu cầu ông D cấp dưỡng cho cháu T ăn, học nhưng ông D không chịu đưa tiền để cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Hoài T. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh D phải cấp dưỡng cho tôi nuôi cháu T kể từ tôi nộp đơn khởi kiện đến khi cháu T đủ 18 tuổi là (40 tháng), mỗi tháng ông D cấp dưỡng cho cháu T 1.500.000 đồng/tháng = 40 x 1.500.000 đồng = 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và thanh toán một lần ngay sau khi bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Thanh D trình bày: Tôi công nhận trước đây tôi và chị Nguyễn Thị Hồng C là vợ chồng, do mâu thuẫn tình cảm vợ chồng nên chúng tôi đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 21/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Kèm theo đó chúng tôi cũng đã thống nhất thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung, cụ thể: Tôi với chị C có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thanh C sinh ngày 21/6/2001 và Nguyễn Hoài T sinh ngày 15/3/2008. Cháu C đã trưởng thành và tự lập được nên chị C và tôi không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu. Chị C và tôi thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hoài T cho chị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị C và tôi thỏa thuận tôi không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị C. Nay chị C khởi kiện yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoài T thì ý kiến của tôi là tôi không đồng ý, tôi đề nghị nếu như chị C không nuôi dưỡng được cháu T thì giao cháu T cho tôi nuôi cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Tôi không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên toà: Toà án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật, các đương sự chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 235, 266 và 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 68, 69, 71, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 275 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C.

- Buộc ông Nguyễn Thanh D phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài T mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian bắt đầu tính cấp dưỡng từ ngày 05/01/2023 (ngày bà C nộp đơn khởi kiện).

- Không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng một lần. Ông Nguyễn Thanh D có trách nhiệm cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cháu T.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng C khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai giải quyết việc tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn với ông Nguyễn Thanh D nên đây là vụ án tranh chấp về cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông D có địa chỉ nơi cư trú tại làng S, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Nguyễn Thanh D trước đây là vợ chồng, do mâu thuẫn tình cảm ông bà đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 21/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Cũng tại quyết định nói trên, Tòa án đã công nhận sự thỏa thuận của ông D và bà C về việc nuôi dưỡng con chung của ông bà, cụ thể: Bà C và ông D có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thanh C, sinh ngày 21/6/2001 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 15/3/2008. Tại thời điểm đó, cháu C đã trưởng thành và tự lập được nên ông bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu. Đối với cháu T, ông bà đã thỏa thuận giao cháu cho bà C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Ngoài ra, ông bà còn thỏa thuận ông D không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà C.

Như vậy, việc bà C trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoài T (con chung của bà và ông D) là do sự thỏa thuận của ông bà đồng thời dựa trên sự tôn trọng ý kiến của cháu T là xin được ở với mẹ. Ngoài ra, khi đó ông bà còn thỏa thuận ông D không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà C. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, do sức khỏe suy yếu, kinh tế khó khăn vì bà C không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định để có thể một mình nuôi cháu T nên bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.500.000 đồng tính từ ngày bà nộp đơn khởi kiện cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi (40 tháng) và thực hiện việc thanh toán tiền cấp dưỡng một lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng.

Về phần mình, ông D không đồng ý chấp nhận yêu cầu này của bà C vì ông cho rằng khi hai người ly hôn thì bà C không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con và thực tế là ông vẫn phải nuôi cháu Nguyễn Thanh C ăn học một thời gian. Tuy vậy, với trách nhiệm của người làm cha, sau khi ly hôn thì ông vẫn thường xuyên thăm hỏi, chăm nom và cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoài T, cụ thể: Ông vẫn cho cháu tiền để nộp tiền học, mua đồ, mua xe máy, mua điện thoại cho cháu. Vào ngày 06/01/2023, ông còn ra thăm cháu T và vẫn cho cháu 1.000.000 đồng để nộp tiền học. Ông có ý kiến là nếu như bà C không thể nuôi dưỡng được cháu T thì giao lại cháu T cho ông nuôi và ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con; hoặc nếu cháu T tiếp tục ở với bà C thì bà C lo ăn uống cho cháu còn tiền học, tiền mua sách vở, quần áo … thì ông sẽ lo liệu đầy đủ khi cháu có yêu cầu.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháu T có lời trình bày thống nhất với nội dung trình bày của ông D về việc ông có chu cấp cho cháu sau khi ông và bà C ly hôn tuy không thường xuyên. Cũng theo trình bày của cháu T thì chi phí sinh hoạt hàng tháng của cháu khoảng 2.000.000 đồng, bao gồm: Tiền học thêm là 1.000.000 đồng , tiền sinh hoạt ăn uống, đi lại là 1.000.000 đồng. Về ý kiến của ông Dũng là muốn trực tiếp nuôi cháu thì ý kiến của cháu T là cháu không đồng ý, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì thấy rằng ở với mẹ phù hợp cho việc học và tiện cho sinh hoạt hơn.

Xét đề nghị của bà C về việc yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại khoản 1 Điều 71 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình*".

Tại khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật Dân sự và các luật khác có liên quan*".

Như vậy, cha mẹ (kể cả khi đã ly hôn) thì có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Khi ly hôn, bà C và ông D thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hoài T cho bà C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Mặc dù, ông bà thỏa thuận ông D không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà C nhưng sau khi ly hôn, ông D vẫn trông nom, chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con đã thể hiện trách nhiệm của người làm cha. Tuy nhiên, đến nay do điều kiện kinh tế khó khăn, sức khỏe yếu, công việc và thu nhập không ổn định nên bà C đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại các Điều 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình thì việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con là trách nhiệm của cha mẹ đối với con; cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người con; người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Như vậy, việc bà C (là người trực tiếp nuôi cháu T) yêu cầu ông D (là người không trực tiếp nuôi cháu T) phải cấp dưỡng nuôi cháu T là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình thì: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*". Về mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận hoặc căn cứ vào thu nhập, khả nặng kinh tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng để ấn định cho phù hợp.

Xét về điều kiện kinh tế của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng C thấy rằng: Tháng 4/2020 bà C từng phải đi mổ tim nên đến nay sức khỏe yếu đi, công việc và thu nhập không đủ nuôi con, kinh tế thật sự khó khăn. Ngoài ra, như đã nêu ở trên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì cháu T cũng có ý kiến là yêu cầu ông D phải chu cấp để trang trải các nhu cầu thiết yếu của cháu với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng.

Đối với bản thân ông D hiện có công việc chính là làm nông, thu nhập theo mùa vụ, không ổn định và không thể xác định được mức thu nhập cụ thể hàng tháng. Nguyên đơn là bà C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án để chứng minh mức thu nhập hàng tháng của ông D. Tuy nhiên, xét thấy mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng theo yêu cầu của bà C là phù hợp nên cần chấp nhận.

Theo quy định tại các Điều 82, 83; khoản 24 Điều 3, các Điều 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 275 của Bộ luật Dân sự thì nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên được phát sinh từ khi người con được sinh ra. Việc cấp dưỡng nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con. Như vậy, đề nghị của bà C về việc yêu cầu ông D cấp dưỡng từ thời điểm nộp đơn khởi kiện (ngày 05/01/2023) đến khi cháu Thương đủ 18 tuổi là có căn cứ và được chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình thì:"Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Các bên có thể thỏa thuận phương thức cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết". Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP, ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: "Các bên không thoả thuận được phương thức cấp dưỡng thì Toà án quyết định phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng". Do đó, yêu cầu cấp dưỡng một lần của nguyên đơn là không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông D có trình bày là ngày 06/01/2023 ông có ra thăm và cho cháu T 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông D không yêu cầu khấu trừ số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 28, các Điều 35, 39, 92, 147, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 68, 69, 71, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 275 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C.

- Buộc ông Nguyễn Thanh D phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 15/3/2008 (thông qua mẹ cháu là bà Nguyễn Thị Hồng C) mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2023 cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng một lần của bà Nguyễn Thị Hồng C (Ông Nguyễn Thanh D có trách nhiệm cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cháu T).

2. Về án phí*:*

- Ông Nguyễn Thanh D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con.

- Bà Nguyễn Thị Hồng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà C 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà C đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0004367, ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh Gia Lai;*
- *VKSND huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Huy Viễn